TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-PT
Ngày 16-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Vũ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Phạm Duy Hiển - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân quận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1103/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1204/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 56/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Số 191 phố C, phường D, quận E, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông F, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 1972/2016/UQ-TCB ngày 10-11-2016); có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G; địa chỉ trụ sở: Số 16/14/125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Quản Thị K, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Quản Thị K, sinh năm 1979; ĐKHKTT: Số 16/14/125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 02 ngách 26 ngõ 275 đường L, phường M, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 16/14/125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N: Bà Hà Thị Thanh O, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P thuộc Đoàn Luật sư Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Ngày 22-6-2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng - Techcombank) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng cấp tín dụng số HPG20150648/HĐTD với nội dung: số tiền vay là 15.000.000.000 đồng (trong đó từng hạn mức được xác định cụ thể: hạn mức cho vay là 13.000.000.000 đồng, hạn mức L/C là 15.000.000.000 đồng); thời hạn sử dụng sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng (từ ngày 22-6-2015 đến ngày 22-6-2016),…

Ngày 28-01-2016, Ngân hàng và Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 01 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số HPG20150648/HĐTD ngày 22-6-2015 sửa đổi, bổ sung khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng cấp tín dụng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo các khế ước nhận nợ, cụ thể: Khế ước nhận nợ số HPG2015064855 ngày 21-3-2016 với số tiền 650.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064856 ngày 24-3-2016 với số tiền 1.065.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064857 ngày 28-3-2016 với số tiền 600.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064858 ngày 31-3-2016 với số tiền 690.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064859 ngày 04-4-2016 với số tiền 550.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064860 ngày 05-4-2016 với số tiền 700.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064861 ngày 12-4-2016 với số tiền 650.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064862 ngày 18-4-2016 với số tiền 670.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064863 ngày 25-4-2016 với số tiền 730.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064864 ngày 28-4-2016 với số tiền 740.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064865 ngày 04-5-2016 với số tiền 510.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064866 ngày 05-5-2016 với số tiền 900.000.000 đồng,

khế ước nhận nợ số HPG2015064867 ngày 11-5-2016 với số tiền 150.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064868 ngày 24-5-2016 với số tiền 342.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064869 ngày 25-5-2016 với số tiền 250.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064870 ngày 31-5-2016 với số tiền 150.000.000 đồng, khế ước nhận nợ số HPG2015064871 ngày 03-6-2016 với số tiền 185.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên bao gồm:

- Các tài sản được luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh từ tài sản hình thành tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ các hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành, được luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản bao gồm toàn bộ nguyên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh đệm (theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26-4-2011);

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 030204NONO, hồ sơ gốc số 3240 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26-11-2001, đã sang tên cho ông Nguyễn Văn N và bà Quản Thị K ngày 17-5-2010 cùng toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan (theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 102010/HĐTC-BĐS/TCBHP-MD ngày 01-11-2010);

- Xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, màu sơn đen, số máy 2GR0791431, số khung RL4BK48K4B001816, biển kiểm soát 15A-017.55, đăng ký xe số 014311, sản xuất năm 2011, xuất xứ Việt Nam, cùng toàn bộ quyền và lợi ích liên quan (theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26-4-2011).

Trước khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện, Ngân hàng và Công ty đã cùng nhau thỏa thuận xử lý một số tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tổng số tiền Công ty đã trả được là 1.754.515.984 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.558.541.089 đồng, nợ lãi là 195.974.895 đồng. Tính đến ngày 04-8-2017, Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền 9.359.561.348 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.973.458.911 đồng, nợ lãi là 1.386.102.437 đồng.

Đến nay tài sản bảo đảm còn lại cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 030204NONO, hồ sơ gốc số 3240 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26-11-2001, đã sang tên cho ông Nguyễn Văn N và bà Quản Thị K ngày 17-5-2010 cùng toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan.

Quan điểm của Ngân hàng: Yêu cầu Công ty trả số tiền nêu trên. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm mà hai bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng ngày 22-6-2015 với mức 8% giá trị của hợp đồng.

Quan điểm của Công ty: Công ty đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Do việc kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn nên Công ty không trả được nợ vay đúng hạn. Đề nghị nguyên đơn cho thêm thời gian để bị đơn thu xếp trả nguyên đơn số nợ gốc là: 7.973.458.911 đồng và miễn số nợ lãi. Trường hợp Công ty không trả được nợ, Công ty đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm để Ngân hàng thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 030204NONO, hồ sơ gốc số 3240 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26-11-2001, đã sang tên cho ông Nguyễn Văn N và bà Quản Thị K ngày 17-5-2010 cùng toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quản Thị K và ông Nguyễn Văn N: Đồng ý với lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng, số nợ gốc và số nợ lãi.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn N trình bày: Hợp đồng thế chấp tài sản số 102/2010/HĐTC-BĐS/TCBHP ngày 01-11-2010 và Phụ lục số 01 ngày 10-8-2011 đối với Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng về bản chất là hợp đồng bảo lãnh, bảo đảm cho khoản vay là 2.796.240.000 đồng. Do đó, ông chỉ đồng ý xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để trả nợ thay cho Công ty số tiền 2.796.240.000 đồng khi Công ty không còn khả năng trả nợ.

* Tại Bản án số 05/2017/KDTM-ST ngày 04-8-2017 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 7.973.458.911 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04-8-2017 là 1.386.102.437 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi làm tròn là: 9.359.561.000 đồng. Kể từ ngày tiếp sau ngày Tòa án xét xử, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn (căn cứ vào mức lãi các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhân với 150%) trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc. Trong trường hợp Công ty không trả được nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất tại thửa số 68, tờ bản đồ số H - 11, diện tích 61,2m^2 và tài sản gắn liền trên đất là nhà 3 tầng tại địa chỉ: 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử

dụng đất số 030204 do do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26-11-2001, đã sang tên cho ông Nguyễn Văn N và bà Quản Thị K ngày 17-5-2010). Theo Hợp đồng thế chấp số 102/2010/HĐTC-BĐS/TCBHP ngày 01-11-2010, Phụ lục số 01 ngày 10-8-2011.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng của Ngân hàng đối với Công ty.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

* Ngày 18-8-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, do:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, làm rõ bản chất Hợp đồng thế chấp số 102/2010/HĐTC-BĐS/TCBHP ngày 01-11-2010, Phụ lục số 01 ngày 10-8-2011 là hợp đồng bảo lãnh, không phải hợp đồng thế chấp như hình thức thể hiện của Hợp đồng dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra phán quyết ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông chỉ đồng ý dùng tài sản để bảo đảm cho khoản vay trong phạm vi bảo đảm như thỏa thuận trong hợp đồng là 2.796.240.000 đồng.

II. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông N là bà Hà Thị Thanh O và ông Nguyễn Văn N thống nhất trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, do:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai quan hệ giữa ông N với Ngân hàng, đó là quan hệ bảo lãnh chứ không phải quan hệ thế chấp theo quy định tại Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự. Quan hệ giữa ông N, Công ty, Ngân hàng là quan hệ ba bên chứ không phải quan hệ hai bên; do đó đây không phải quan hệ thế chấp. Căn cứ hợp đồng cấp tín dụng số HPG20150648/HĐTD ngày 22-6-2015, tại Điều 7.1 ghi biện pháp bảo đảm là bảo lãnh của bên thứ ba. Ông N chỉ có nghĩa vụ dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty khi Công ty không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán và chỉ bảo lãnh theo hạn mức đã thỏa thuận với Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai giá trị của tài sản bảo lãnh, tài sản chỉ bảo lãnh cho khoản vay là 2.796.240.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông F trình bày: Căn cứ hợp đồng thế chấp số 102010/HĐTC-BĐS/TCBHP ngày 01-11-2010, Phụ lục số 01 ngày 10-8-2011 thể hiện việc ông N, bà Hà đã dùng tài sản tại địa chỉ Số 16 ngách 14 ngõ 125 đường H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty. Do đó, đây là quan hệ thế chấp không phải quan hệ bảo

lãnh. Theo quy trình cho vay của Ngân hàng thì khi ký hợp đồng thế chấp, Ngân hàng phải tiến hành định giá tài sản, các bên ký vào biên bản thẩm định giá trị tài sản thế chấp mới ký hợp đồng. Biên bản thẩm định giá trị tài sản thế chấp được lập vào tháng 8-2011 ghi giá trị của tài sản thế chấp là 2.796.240.000 đồng, mục đích của việc này là để xác định giá trị tài sản, mức cho vay ban đầu. Căn cứ khoản 2.3 hợp đồng thế chấp, số tiền bảo đảm tối đa là số tiền cho vay tối đa theo giá trị của tài sản bảo đảm theo từng giai đoạn, số tiền cho vay sẽ thay đổi theo từng thời kỳ theo từng phụ lục hợp đồng thế chấp. Do đó, số tiền 2.796.240.000 đồng không phải là khoản bảo đảm tối đa đối với khoản vay của Công ty tại Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quản Thị K trình bày: Tôi đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng và không có ý kiến phát biểu gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng thế chấp số 102010/HĐTC-BĐS/TCBHP ngày 01-11-2010, Phụ lục số 01 ngày 10-8-2011 thể hiện tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất cùng toàn bộ vật kiến trúc trên đất tại Số 16 ngách 14 ngõ 125 đường H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng có giấy chứng nhận sở hữu mang tên ông Nguyễn Văn N, bà Quản Thị K đã được công chứng chứng thực, toàn bộ tài sản trên đất đã được ông N, bà Hà tự nguyên thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 2 hợp đồng thế chấp ghi rõ "Bên thế chấp tự nguyện thế chấp các tài sản thế chấp cùng mọi quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp quy định tại Điều 1 để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm với Ngân hàng". Căn cứ nội dung hợp đồng, Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 04-8-2017 của Tòa án nhân dân quận A, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa;

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty, hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn N, bà Quản Thị K. Do vậy, Tòa án nhân dân quận A xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận A là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cấp tín dụng số HPG20150648/HĐTD ngày 22-6-2015 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, được các bên thống nhất thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức và nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội do đó các hợp đồng trên là hợp pháp, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền, nghĩa vụ buộc các bên phải thực hiện.

2.2. Về hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 102010/HĐTC-BĐS/TCBHP-MD ngày 01-11-2010 và Phụ lục số 01 Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 10-8-2011 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn N, bà Quản Thị K về việc thế chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N và bà Quản Thị K với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp và phụ lục có chữ ký của các bên có đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự. Khi ký hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm và được thẩm định giá trị theo đúng quy định. Hợp đồng thế chấp được công chứng theo đúng quy định tại Điều 188 Luật Đất đai, Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy, hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Tại mục 2.2 Điều 2 hợp đồng các bên thỏa thuận:

"2.2. Bên thế chấp tự nguyện thế chấp các tài sản thế chấp cùng mọi quền và lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp quy định tại Điều 1 để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của bên được đảm bảo đối với Techcombank được quy định tại khoản 2.3 điều này".

Tại mục 5.4 Điều 5 của hợp đồng các bên đã thỏa thuận:

"Bên thế chấp đồng ý và chấp nhận rằng Techcombank có quyền quyết định, lựa chọn một, một số, một phần hoặc tất cả, toàn bộ các Tài Sản Thế Chấp để xử lý...".

Như vậy, ngay từ khi ký hợp đồng thế chấp ông N đã biết được tài sản của mình dùng để thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty chứ không phải dùng để bảo lãnh, phạm vi bảo đảm được xác định là toàn bộ giá trị của tài sản thế chấp cùng mọi quyền lợi và lợi ích phát sinh từ tài sản thế chấp. Các thủ tục thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự.

Tại Biên bản thẩm định giá trị tài sản thế chấp được lập vào tháng 8-2011 ghi giá trị của tài sản thế chấp là 2.796.240.000 đồng, mục đích của việc này là để xác định giá trị tài sản, mức cho vay ban đầu, không phải toàn bộ giá trị bảo đảm. Việc xác định giá trị bảo đảm phải thực hiện theo các điều khoản các bên đã ký tại hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp. Khi Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 322, 323, 324 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N.

[3]. Về án phí: Do giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Xử: Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tính đến ngày 04-8-2017 là 9.359.561.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.973.458.911 đồng, nợ lãi là 1.386.102.437 đồng.

Kể từ ngày 05-8-2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HPG20150648/HĐTD

ngày 22-6-2015 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G không trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B các khoản tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B:

Quyền sử dụng 61,2m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà 3 tầng tại địa chỉ số 16/14 ngõ 125 phố H, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số H-11, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 030204 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26-11-2001, đã sang tên cho ông Nguyễn Văn N và bà Quản Thị K ngày 17-5-2010.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G thanh toán khoản tiền 8% phạt vi phạm hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại G phải chịu 117.359.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 58.500.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014701 ngày 01-3-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng ông Nguyễn Văn N đã nộp theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004693 ngày 13-9-2017, số 0004656 ngày 25-8-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Văn N đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận A;
- TAND quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án, TKT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà